TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2024/HC-PT
Ngày: 15/8/2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa trực tuyến công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 266/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8334/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa:

**** Người khởi kiện:*** Ông Chu Văn G; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Anh P - Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Bà Dương Thị H - Quyền Chủ tịch UBND huyện H; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn:

1. Ông Bùi Công T - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Hà Huy H1 - Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Hoàng Việt T1 - Chuyên viên phòng tài nguyên và môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Đỗ Văn H2 - Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Lục Thị B và chị Chu Thị Minh T2; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; bà B có mặt, chị T2 vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lục Thị B và chị Chu Thị Minh T2: Ông Chu Văn G, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Chu Văn G, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là ông Chu Văn G trình bày:

Gia đình ông là chủ sở hữu 02 thửa đất có tổng diện tích 6.213,2m^2 tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, gồm: Thửa số 285, mảnh trích đo TĐ35-2022, diện tích 1.686,2m^2; thửa số 307, mảnh trích đo TĐ35-2022, diện tích 4.527,0m^2. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất ông Chu Văn G trình bày: Gia đình ông nhận giao khoán của Nông trường H, tỉnh Lạng Sơn có Hợp đồng giao khoán trồng cây vải. Sau khi nông trường giải thể gia đình ông vẫn sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Chu Văn G để thực hiện dự án: Nút giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (gọi tắt là Quyết định số 1795/QĐ-UBND). Theo Quyết định, gia đình ông bị thu hồi 02 thửa đất đang sử dụng có tổng diện tích 6.213,2m^2 gồm: Thửa số 285, mảnh trích đo TĐ35-2022, diện tích 1.686,2m^2 đất trồng rừng sản xuất; thửa số 307, mảnh trích đo TĐ35-2022, diện tích 4.527,0m^2 đất trồng rừng sản xuất. Cùng ngày, UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định 1812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 2) (gọi tắt là Quyết định số 1812/QĐ-UBND). Theo Quyết định, gia đình ông được bồi

thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 207.304.000 đồng, gồm: Bồi thường cây trồng, vật nuôi 51.864.000 đồng; hỗ trợ cây keo chủ 46.797.000 đồng; hỗ trợ khác với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường 95.683.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 12.960.000 đồng. Về tái định cư: Hộ gia đình ông không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư. Ngày 08/8/2023, ông Chu Văn G có đơn khiếu nại Quyết định 1812/QĐ-UBND với nội dung: UBND huyện H xác định loại đất bị thu hồi là đất rừng sản xuất là không đúng mục đích sử dụng, phải được xác định là đất trồng cây lâu năm; việc tính toán hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm chưa đúng quy định; chưa tính hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất cho gia đình ông; việc tính toán áp giá bồi thường hỗ trợ đối với cây keo chủ chưa đảm bảo.

Ngày 26/10/2023, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 4289/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Chu Văn G trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu) (gọi tắt là Quyết định số 4289/QĐ-UBND), với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông Chu Văn G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn hủy Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H; huỷ một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 2) và hủy Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Văn G, trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu).

Thứ nhất, diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do gia đình khai phá đất Nông trường H, gia đình trồng cây vải trên đất. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 căn cứ xác định loại đất thì diện tích đất bị thu hồi phải được xác định là **đất trồng cây lâu năm**. Đề nghị xác định giá bồi thường về đất là 42.000 đồng/m^2. Do đó, tổng số tiền bồi thường về đất là 6.213,2m^2 x 42.000đ/m^2 = 260.954.400 đồng.

Thứ hai, xác định sai số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất theo đúng quy định, cụ thể: Theo Điều 14 Quyết định 07/2021/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm bằng 3 lần giá đất cùng loại. Do vậy gia đình ông chỉ được tính 1 lần với giá 7.000 đồng thành tiền là 43.492.400 là không đúng, số tiền đúng phải là 42.000đ/m^2 x 3 x 6213,2m^2= **782.863.200 đồng**. Theo điểm c khoản 1 Điều 27 Quyết định 07/2021/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh quy định về hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản

xuất với mức hỗ trợ bằng 1 lần giá đất nông nghiệp, cụ thể gia đình phải được bồi thường số tiền 6213,2m^2 x 42.000đ/m^2 = **260.954.400 đồng.**

Thứ ba, UBND huyện tính tiền bồi thường, hỗ trợ cây keo chủ không đúng quy định vì mật độ cây trên 01 ha theo tiêu chuẩn quốc gia về kỹ thuật xây dựng vườn cây đầu dòng được viện dẫn tại phần 2.4 của quyết định khiếu nại 4289 ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện là 55.000 cây/ha thì mật độ cây trồng của gia đình ông nằm trong mật độ cho phép do đó phải được hỗ trợ giá 50% với tổng số tiền 17.680 cây x 28.500đ/cây x 50% = **251.940.000 đồng.**

Tổng cộng số tiền yêu cầu được bồi thường là: 1.608.576.000 đồng.

Tại Công văn số 348/UBND-TNMT và Công văn số 335/UBND-TNMT ngày 23/02/2024, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn trình bày:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh L; trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện H, tỉnh Lạng Sơn; UBND huyện H đã ban hành thông báo thu hồi đất, thực hiện đo đạc, kiểm đếm; thực hiện các thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Chu Văn G, diện tích đất thu hồi là 02 thửa đất đang sử dụng có tổng diện tích 6.213,2m^2 gồm: Thửa số 285, mảnh trích đo TĐ35-2022, diện tích 1.686,2m^2 đất trồng rừng sản xuất; thửa số 307, mảnh trích đo TĐ35-2022, diện tích 4.527,0m^2 đất trồng rừng sản xuất; đồng thời ban hành Quyết định 1812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình trong đó có hộ ông Chu Văn G, theo đó gia đình ông Chu Văn G được bồi thường tổng số tiền 207.304.000 đồng, gồm: Bồi thường cây trồng, vật nuôi 51.864.000 đồng; hỗ trợ cây keo chủ 46.797.000 đồng; hỗ trợ khác với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường 95.683.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 12.960.000 đồng. Về tái định cư: Hộ gia đình ông không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư do không bị thu hồi đất ở.

Do không đồng ý với Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023, ông Chu Văn G có đơn khiếu nại yêu cầu xác định loại đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm; do xác định loại đất sai nên việc tính toán hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm chưa đúng quy định; chưa tính hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất cho gia đình ông; việc tính toán áp giá bồi thường hỗ trợ đối với cây keo chủ chưa đảm bảo.

Quá trình giải quyết khiếu nại của ông Chu Văn G, UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Chu Văn G và xác định hộ ông Chu Văn G ảnh hưởng thửa đất số 285, 307 mảnh trích đo TĐ35-2022, chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thửa đất trên đều có nguồn gốc là đất Nông trường (Hợp đồng giao khoán trồng cây vải). Đối

chiếu theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 về việc thu hồi đất Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H quản lý (gọi tắt là Quyết định số 2278/QĐ-UBND) theo quy hoạch là đất rừng sản xuất. Xác định loại đất bồi thường, hỗ trợ là **đất rừng sản xuất**.

Về tái định cư: Hộ ông Chu Văn G chỉ bị thu hồi đất nông nghiệp (đất rừng sản xuất) nên không được xem xét tái định cư theo quy định của Luật đất đai 2013. Vì vậy, UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn xác định việc ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 15/5/2023, Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 và Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung các quyết định có căn cứ, phù hợp quy định của Luật Đất đai năm 2013 và quy định của Luật Khiếu nại. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn G là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; các Điều 27, 28, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn G đối với các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H;

- Hủy một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 2);

- Hủy Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Văn G, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2024, người khởi kiện là ông Chu Văn G có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Ông Chu Văn G và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chu Văn G trình bày: Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi là một phần diện tích đất mà bố ông G là ông Chu Văn T3 nhận giao khoán của Nông trường Hữu Lũng theo Hợp đồng số 07/HĐ-NT ngày 12/8/1999 và ngày 10/5/2002, gia đình ông G ký hợp đồng số 01/HĐ-NT về việc phát triển cây ăn quả; căn cứ các hợp đồng nêu trên, căn cứ sổ mục kê và căn cứ Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 về việc thu hồi đất Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H quản lý thì diện tích đất bị thu hồi phải được xác định là đất trồng cây lâu năm. Đề nghị xác định giá bồi thường về đất là 42.000 đồng/m^2. Do đó, số tiền bồi thường về đất là 260.954.400 đồng.

Xác định sai số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất không đúng quy định, phải hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm bằng 3 lần giá đất cùng loại, gia đình ông chỉ được tính 1 lần 43.492.400 đồng là không đúng, số tiền đúng phải là 782.863.200 đồng. Về hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất với mức 260.954.400 đồng. Số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 12.960.000 đồng.

UBND huyện tính tiền bồi thường, hỗ trợ cây keo chủ không đúng quy định mật độ cây trồng của gia đình ông nằm trong mật độ cho phép do đó phải được hỗ trợ giá 50% với tổng số tiền 251.940.000 đồng.

Số tiền bồi thường cây trồng, vật nuôi là 51.864.000 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu được bồi thường là: 1.621.536.000 đồng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của phía người bị kiện trình bày: Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Chu Văn G được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và có căn cứ pháp luật.

UBND đã ban hành Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 04/5/2024, về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Nút giao thông đường cao tốc vào khu công nghiệp H. Gia đình ông Chu Văn G được bồi thường thêm số tiền là 48.458.550 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; việc khởi kiện của người khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định. Xác đinh đúng về tính hợp pháp của các quyết định hành chính và không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Chu Văn G là đúng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Chu Văn G là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Chu Văn G. Giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Việc khởi kiện của ông Chu Văn G được thực hiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Đơn kháng cáo của ông Chu Văn G được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về sự vắng mặt của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: các đương sự vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền, đây là phiên tòa được mở lần thứ hai; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Bộ luật Tố tụng hành chính.

[5] Xét kháng cáo của ông Chu Văn G, Hội đồng xét xử thấy như sau:

5.1 Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh L; trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện H, tỉnh Lạng Sơn; UBND huyện H đã ban hành thông báo thu hồi đất, thực hiện đo đạc, kiểm đếm; thực hiện các thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, đồng thời ban hành Quyết định 1812/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Việc ban hành các Quyết định trên được UBND huyện H thực hiện đúng quy định tại Điều 63, Điều 69, khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ông Chu Văn G nhất trí với kết quả kiểm kê cây cối, hoa màu, vật kiến trúc có trên diện tích đất bị thu hồi và không có ý kiến thắc mắc về diện tích đất bị thu hồi nhưng ông Chu Văn G cho rằng việc xác định loại đất bị thu hồi của gia đình ông phải được xác định là đất trồng cây lâu năm; do xác định sai loại

đất nên việc tính toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông không đúng quy định; tiền bồi thường, hỗ trợ cây keo chủ không đúng quy định vì vậy trong quá trình giải quyết khiếu nại, cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh, xác định: Gia đình ông Chu Văn G bị thu hồi thửa đất số 285 mảnh trích đo số 35-TĐ diện tích 1.686,2m^2 và thửa đất số 307 mảnh trích đo số TĐ-35 diện tích 4.527m^2 có nguồn gốc là đất Nông trường H có Hợp đồng giao khoán trồng cây vải, theo tờ bản đồ địa chính số 48 xã H vẽ năm 1996, 02 thửa đất trên đều thuộc một phần thửa đất số 94a, diện tích 50.050m^2, ghi là "Đồi nông trường". Sổ mục kê kèm theo bản đồ địa chính thể hiện tại quyển số 02, trang 72, thửa đất số 94a, loại đất LN, sổ mục kê không thể hiện tên chủ sử dụng đất. Các thửa đất trên gia đình ông Chu Văn G đều chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối chiếu theo Quyết định 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 về việc thu hồi đất Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn quản lý theo quy hoạch, thửa đất 285 và thửa đất 307 mảnh trích đo số TĐ-35 thuộc một phần thửa đất số 84, diện tích 48.930m^2, loại đất có rừng trồng sản xuất (RST).

Ngày 08/10/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, UBND xã H, huyện H cùng gia đình ông Chu Văn G tiến hành thống kê, kiểm đếm khối lượng bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây cối hoa màu trên 02 thửa đất bị thu hồi, Biên bản thể hiện trên đất có cây keo chủ trồng năm thứ 3, cây bạch đàn (Biên bản được gia đình ông G thống nhất ký xác nhận). Do đó, Việc UBND huyện H xác định loại đất bồi thường, hỗ trợ là đất rừng sản xuất (RSX) là đảm bảo đúng quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013.

5.2 Về giá đất bồi thường: UBND huyện H thực hiện đúng theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh L phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, ông Chu Văn G yêu cầu xác định loại đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm với giá bồi thường về đất là 42.000đồng/m^2 là không có cơ sở để xem xét.

5.3 Việc ông Chu Văn G cho rằng việc tính toán, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm chưa đúng quy định, thấy rằng: Ông Chu Văn G cho rằng do xác định sai loại đất thu hồi đối với 02 thửa đất số 285 và 307 dẫn đến tính toán, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thấp, không đảm bảo quy định. Qua kiểm tra cho thấy: Hộ gia đình ông G được xác định là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Tại Thông báo số 687/TB-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh L thông báo Kết luận của ông Lương Trọng Q, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp chuyên đề đánh giá tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm và xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn các huyện, thành phố (kỳ tháng 11/2022) (gọi tắt là Thông báo số 687/TB-UBND), trong đó có nội dung: " *Đất có nguồn gốc là đất Nông trường H (đã giải thể): để góp phần ổn định đời sống*

của người bị thu hồi đất, đồng thời bảo đảm công bằng đối với các hộ cùng sử dụng đất có nguồn gốc Nông lâm trường tương tự như các trường hợp bị ảnh hưởng của một số dự án trên địa bàn huyện H đã được tỉnh đồng ý hỗ trợ .... căn cứ quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 4, Điều 17 Quyết định 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021, đồng ý hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường H (đã giải thể) hiện nay các hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp quản lý, sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; giá trị hỗ trợ bằng tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp theo cơ chế, chính sách quy định hiện hành. Diện tích được tỉnh hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai".

Căn cứ Khoản 1, Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L "*Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT:….đất rừng sản xuất bị thu hồi tại các xã thuộc huyện được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất rừng sản xuất"*

Tại Biểu chi tiết hỗ trợ khác đối với đất có nguồn gốc đất nông, lâm trường theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023, hộ ông Chu Văn G được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với 02 thửa đất bị thu hồi với tổng diện tích là 6.213,2m² đất trồng rừng sản xuất, nhóm II, đơn giá để tính hỗ trợ là 7.000 đồng/m², số lần tính hỗ trợ 01 lần. Số tiền hộ ông Chu Văn G được hỗ trợ là 43.492.400 đồng (6.213,2m² x 7.000 đồng), là đảm bảo theo quy định.

Đối với nội dung ông Chu Văn G yêu cầu hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: Do hộ ông Chu Văn G không bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 17 Quy định ban hành theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L hộ ông Chu Văn G không được tính hỗ trợ khác để ổn định đời sống sản xuất.

[6] Về bồi thường, hỗ trợ cây keo: Trên thửa đất số 307, mảnh trích đo TĐ-35-2022 có 17.680 cây keo chủ trồng năm thứ 3, có 728 cây bạch đàn đường kính gốc từ 10-20cm, 530 cây Bạch đàn đường kính gốc từ 5-10cm. Số cây keo chủ được tính bồi thường theo đơn giá 28.500 đồng/cây, trong đó có 794 cây theo hệ số 0,5 (hỗ trợ 50%); 12.450 cây theo hệ số 0,1 (hỗ trợ 10%); 4.436 cây không được hỗ trợ do trồng vượt mật độ quy định và vượt quá 50% số lượng vượt mật độ được hỗ trợ. Gia đình ông Chu Văn G trồng cây keo chủ khi chưa được cấp có thẩm quyền công nhận làm nguồn giống, nên không được bồi thường theo Quyết định số 11/QĐ ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh L quy định đơn giá cây trồng vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (đơn giá 28.500đồng/cây), nhưng được hỗ trợ theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh L về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh

L tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc trong việc hỗ trợ cây keo tại một số dự án địa bàn huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Do trồng không đúng mật độ cây (55.000/ha) theo Tiêu chuẩn quốc gia về kỹ thuật xây dựng vườn cây đầu dòng năm 2017 nên số cây trồng trong mật độ được tính 50% đơn giá; số cây vượt mật độ chỉ tính tối đa 50% số lượng cây và mức giá hỗ trợ là 10% đơn giá, do đó ông Chu Văn G yêu cầu được bồi thường với hệ số 100% đơn giá là không có căn cứ chấp nhận.

UBND huyện H đã chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H phối hợp với các đơn vị liên quan và gia đình ông Chu Văn G đo tách diện tích cây keo chủ riêng và diện tích cây bạch đàn riêng đối với thửa đất số 307, mảnh trích đo TĐ35-2022 để tính phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Chu Văn G theo quy trình quy định. Mặt khác, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 04/5/2024, về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Nút giao thông đường cao tốc vào khu công nghiệp H. Gia đình ông Chu Văn G được bồi thường thêm số tiền là 48.458.550 đồng.

[7] Từ những phân tích nêu trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn G là đúng. Hội đồng xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn G giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo của ông Chu Văn G không được Tòa án chấp nhận, do đó ông Chu Văn G phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn G; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Ông Chu Văn G phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Xác nhận ông Chu Văn G đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0006094 ngày 31/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THA dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HSVA, P.LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng